

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN Đ
TỈNH LÂM ĐỒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 10/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 10-8-2022

V/v tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Đ – TỈNH LÂM ĐỒNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đinh Xuân Trường

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông K'Mák

2. Bà Vũ Thị Thi

- Thư ký phiên tòa: Bà Mã Thị Oanh là thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân huyện Đ - tỉnh Lâm Đồng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Đ - tỉnh Lâm Đồng tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Quốc Huy - Kiểm sát viên (Ông Nguyễn Quốc Huy vắng mặt tại phiên tòa nhưng đã gửi bài phát biểu).

Ngày 10 tháng 8 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đ – tỉnh Lâm Đồng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 77/2022/TLST – HNGĐ ngày 12 tháng 5 năm 2022 về tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 15/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 29 tháng 7 năm 2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Ka R, sinh năm 1980

Trú tại: Thôn A, xã M, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng.

(bà R có mặt)

- Bị đơn: Ông Thạch Văn T, sinh năm 1986

Trú tại: Thôn A, xã M, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng.

(ông T vắng mặt tại phiên tòa có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*Trong đơn khởi kiện ghi ngày 10 tháng 5 năm 2022 và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án cũng như tại phiên tòa nguyên đơn bà Ka R trình bày:

- Về hôn nhân: Bà Ka R và ông Thạch Văn T tự nguyện tìm hiểu yêu

thương nhau và chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2008 nhưng không đăng ký kết hôn. Sau đó bà Ka R và ông Thạch Văn T đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã M – huyện Đ – tỉnh Lâm Đồng vào ngày 13/6/2013 và không có tổ chức đám cưới. Từ năm 2019 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống, ông T không lo làm ăn, không lo cho vợ con, thường xuyên uống rượu say, chửi bới, đánh đập bà R vô cớ và ông T đã ngoại tình chung sống với người phụ nữ khác tên Hồng tại địa chỉ thôn A, xã M, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng. Vợ chồng đã tự hòa giải nhiều lần nhưng không hòa giải được. Bà R và ông T đã sống ly thân từ tháng 05 năm 2022 đến nay, không ai quan tâm đến ai. Nay mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, vợ chồng đang sống ly thân thời gian dài không ai quan tâm đến ai nên bà Ka R yêu cầu được ly hôn với ông Thạch Văn T.

- Về con chung: Trước khi đăng ký kết hôn bà Ka R và ông Thạch Văn T sinh được 01 con chung là Thạch Văn L, sinh ngày 07/01/2009. Sau khi đăng ký kết hôn vợ chồng bà Ka R và ông Thạch Văn T không sinh thêm con chung nào. Hiện nay con chung Thạch Văn L đang ở với bà R. Bà R có chỗ ở hợp pháp và có thu nhập đủ điều kiện nuôi con chung. Khi ly hôn bà Ka R yêu cầu được nuôi 01 con chung là Thạch Văn L, sinh ngày 07/01/2009 cho đến khi con chung đến tuổi thành niên và bà Ka R không yêu cầu ông Thạch Văn T cấp dưỡng nuôi 01 con chung Thạch Văn L, sinh ngày 07/01/2009.

- Về tài sản chung: Bà Ka R trình bày vợ chồng bà Ka R và ông Thạch Văn T không có tài sản chung.

- Về nợ chung: Bà Ka R trình bày vợ chồng bà Ka R và ông Thạch Văn T không có nợ chung.

Ngoài ra bà Ka R không trình bày hay yêu cầu gì khác.

* Theo đơn xin vắng mặt ghi ngày 13 tháng 7 năm 2022 của ông Thạch Văn T thì bị đơn ông Thạch Văn T trình bày:

Bà Ka R có đơn đề nghị ly hôn thì ông Thạch Văn T đồng ý ly hôn với bà Ka R.

Về con chung là Thạch Văn L do bà Ka R chăm sóc nuôi dưỡng, ông Thạch Văn T không cấp dưỡng nuôi con.

Với tài sản chung: Không có.

Với nợ chung: Không có.

Đây là ý kiến của ông Thạch Văn T về vụ án.

Ngoài ra ông Thạch Văn T không yêu cầu gì khác.

Vụ án đã được Tòa án đưa ra hoà giải nhiều lần nhưng không tiến hành hoà giải được vì lý do vắng mặt bị đơn.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ – tỉnh Lâm Đồng vắng mặt tại phiên tòa nhưng đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ – tỉnh Lâm Đồng đã

gửi bài phát biểu cho Tòa án, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ – tỉnh Lâm Đồng đã có bài phát biểu đánh giá về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Thư ký Tòa án và đánh giá về việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn, bị đơn và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án. Bài phát biểu đã đánh giá Thẩm phán, Thư ký Tòa án đã chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; đánh giá nguyên đơn bà Ka R chấp hành đúng quy định tại các Điều 70, 71 của Bộ luật tố tụng dân sự, bị đơn ông Thạch Văn T không chấp hành đúng quy định tại các Điều 70, 72 của Bộ luật tố tụng dân sự. Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án như sau đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Ka R cho bà Ka R được ly hôn với ông Thạch Văn T, về con chung đề nghị giao con chung là Thạch Văn L, sinh ngày 07/01/2009 cho bà Ka R nuôi dưỡng, về cấp dưỡng nuôi con chung nguyên đơn bà Ka R không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung và bị đơn ông Thạch Văn T không cấp dưỡng nuôi con chung nên đề nghị không xem xét về cấp dưỡng nuôi con chung, về án phí bà Ka R phải nộp án phí dân sự sơ thẩm. Đại diện Viện kiểm sát không có kiến nghị gì.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ các ý kiến của các bên đương sự, ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa.

[1] Về thủ tục tố tụng:

Nguyên đơn bà Ka R khởi kiện yêu cầu ly hôn với bị đơn ông Thạch Văn T, bị đơn ông Thạch Văn T có nơi cư trú tại thôn A, xã M, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng. Vì vậy, theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự đây là vụ án tranh chấp ly hôn và Tòa án nhân dân huyện Đ thụ lý giải quyết theo thủ tục sơ thẩm là đúng thủ tục tố tụng.

Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ nhất nhưng vắng mặt tại phiên tòa có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn ông Thạch Văn T là đúng quy định của pháp luật.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về hôn nhân:

Bà Ka R và ông Thạch Văn T đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã M – huyện Đ – tỉnh Lâm Đồng vào ngày 13/6/2013 vì vậy hôn nhân được xác lập giữa bà R và ông T là hôn nhân hợp pháp.

Theo nguyên đơn bà R trình bày từ tháng năm 2019 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống, ông T không lo làm ăn, không lo cho vợ con, thường xuyên uống rượu say, chửi bới, đánh đập bà R vô cớ và ông T đã ngoại tình chung sống với người phụ nữ khác. Vợ chồng đã tự hòa giải nhiều lần nhưng không hòa giải

được. Bà R và ông T đã sống ly thân từ tháng 5 năm 2022 đến nay, không ai quan tâm đến ai. Nay mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, vợ chồng đang sống ly thân thời gian dài không ai quan tâm đến ai nên bà Ka R yêu cầu được ly hôn với ông Thạch Văn T. Bị đơn ông Thạch Văn T trình bày tại đơn xin vắng mặt ghi ngày 13 tháng 7 năm 2022 của ông Thạch Văn T thì ông Thạch Văn T đồng ý ly hôn với bà Ka R. Căn cứ biên bản xác minh ngày 06/6/2022 của Tòa án tại Chủ tịch Hội liên hiệp phụ nữ xã M – huyện Đ – tỉnh Lâm Đồng về hôn nhân giữa bà Ka R và ông Thạch Văn T thì bà Ka R và ông Thạch Văn T có xảy ra mâu thuẫn không rõ phát sinh từ thời gian nào. Nguyên nhân mâu thuẫn là do ông Thạch Văn T có những lời lẽ xúc phạm bà Ka R. Hội đồng xét xử xét thấy lời trình bày của bà R về tình trạng mâu thuẫn vợ chồng là đúng với thực tế.

Xét thấy hiện nay mâu thuẫn vợ chồng giữa bà R và ông T trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân giữa bà R và ông T không đạt được, vợ chồng không còn sống chung với nhau thời gian dài và không ai còn quan tâm đến ai nữa. Vì vậy, căn cứ Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình thì Hội đồng xét xử xét thấy cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Ka R, cho bà Ka R được ly hôn với ông Thạch Văn T là có cơ sở pháp luật và phù hợp với thực tế.

[3] Về con chung:

Bà Ka R trình bày trước khi đăng ký kết hôn bà Ka R và ông Thạch Văn T sinh được 01 con chung là Thạch Văn L, sinh ngày 07/01/2009. Khi ly hôn bà Ka R yêu cầu được nuôi 01 con chung là Thạch Văn L, sinh ngày 07/01/2009 cho đến khi con chung đến tuổi thành niên. Bị đơn ông Thạch Văn T trình bày tại đơn xin vắng mặt ghi ngày 13 tháng 7 năm 2022 của ông Thạch Văn T thì về con chung là Thạch Văn L do bà Ka R chăm sóc nuôi dưỡng.

Tại bản sao trích lục khai sinh số 169/2019/TLKS-BS ngày 04/11/2019 của Ủy ban nhân dân M – huyện Đ – tỉnh Lâm Đồng thể hiện họ chữ đệm tên Thạch Văn L, ngày tháng năm sinh 07/01/2009, họ chữ đệm tên người mẹ Ka R, năm sinh 1980, họ chữ đệm tên người cha Thạch Văn T, năm sinh 24/4/1986. Con là Thạch Văn L, sinh ngày 07/01/2009 sinh trước ngày đăng ký kết hôn ngày 13/6/2013 nhưng được bà R và ông T thừa nhận là con chung của bà R và ông T nên căn cứ khoản 1 Điều 88 của Luật hôn nhân và gia đình xác định Thạch Văn L, sinh ngày 07/01/2009 là con chung của bà Ka R và ông Thạch Văn T.

Xét thấy hiện nay cháu Thạch Văn L có nguyện vọng được ở với mẹ là bà Ka R và hiện nay con chung Thạch Văn L, sinh ngày 07/01/2009 đang ở với bà R vẫn phát triển tốt, còn ông Thạch Văn T có ý kiến về con chung là Thạch Văn L do bà Ka R chăm sóc nuôi dưỡng. Bà R yêu cầu nuôi 01 con chung là Thạch Văn L. Bà R có chỗ ở hợp pháp và có thu nhập nên đủ điều kiện nuôi con chung. Để không làm ảnh hưởng đến cuộc sống hiện tại hay tâm lý của con chung đồng thời để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của con chung căn cứ Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình thì Hội đồng xét xử xét thấy cần giao 01 con chung là

Thạch Văn L, sinh ngày 07/01/2009 cho bà Ka R trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi con chung đến tuổi thành niên là có cơ sở pháp luật và phù hợp với thực tế.

[4] Về cấp dưỡng nuôi con chung:

Bà Ka R không yêu cầu ông Thạch Văn T cấp dưỡng nuôi 01 con chung Thạch Văn L, sinh ngày 07/01/2009 và bị đơn ông Thạch Văn T không cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét về cấp dưỡng nuôi 01 con chung là Thạch Văn L, sinh ngày 07/01/2009 là đúng pháp luật.

[5] Về tài sản chung: Bà Ka R trình bày vợ chồng bà Ka R và ông Thạch Văn T không có tài sản chung và ông Thạch Văn T trình bày với tài sản chung không có nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết về tài sản chung là phù hợp.

[6] Về nợ chung: Bà Ka R trình bày vợ chồng bà Ka R và ông Thạch Văn T không có nợ chung và ông Thạch Văn T trình bày với nợ chung không có nên Hội đồng xét xử không xem xét về nợ chung là phù hợp.

[7] Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội và Danh mục án phí, lệ phí Tòa án ban hành kèm theo Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

Bà Ka R khởi kiện ly hôn nên phải nộp 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) tiền án phí ly hôn sơ thẩm là đúng quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 266 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 51, 56, 81, khoản 1 Điều 88 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội và Danh mục án phí, lệ phí Tòa án ban hành kèm theo Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Ka R đối với ông Thạch Văn T về việc tranh chấp ly hôn.

Cho bà Ka R được ly hôn với ông Thạch Văn T.

2. Về con chung:

Giao một con chung là Thạch Văn L, sinh ngày 07/01/2009 cho bà Ka R trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi con chung đến tuổi thành niên.

Ông Thạch Văn T không phải cấp dưỡng nuôi con chung Thạch Văn L, sinh ngày 07/01/2009.

Quyền đi lại thăm nom con, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con; quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con; thay đổi mức cấp dưỡng được thực hiện theo quy định Luật hôn nhân và gia đình.

3. Về án phí:

Bà Ka R phải nộp 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) tiền án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm mà bà Ka R đã nộp là 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) theo biên liên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000155 ngày 12 tháng 5 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng. Bà Ka R đã nộp đủ tiền án phí ly hôn sơ thẩm.

4. Quyền kháng cáo: Đương sự có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án hôm nay (ngày 10/8/2022); Đối với đương sự vắng mặt thì thời hạn kháng cáo là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc ngày bản án được niêm yết để yêu cầu Toà án nhân dân tỉnh Lâm Đồng xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6 và 9 Luật thi hành án dân sự, các Điều 7 và Điều 7a Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;
- TAND tỉnh Lâm Đồng;
- Chi cục THADS huyện Đ;
- Cơ quan đã thực hiện việc đăng kết hôn;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ
(ĐÃ KÝ)**

Đinh Xuân Trường